TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTHỊ XÃ GÒ CÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Lê Thị Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Hùng.**

2. Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Hồng Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp S Q A, xã T T, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn D**, sinh năm: 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S Q A, xã T T, thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/12/2018, Bản tự khai ngày 27/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Phạm Văn D chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D có tình cảm với người khác bên ngoài nên tình cảm vợ chồng không còn như trước . Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông D không thay đổi. Nhận thấy tình cảm không còn, sống với nhau không hạnh phúc.

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị M xin được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Diễm C- sinh năm 1991 và Phạm Nguyễn Yến N- sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn ông Phạm Văn D mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phạm Văn D nhưng do ông vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông Phạm Văn D và không hòa giải vụ án được.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Văn D chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã GC là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống theo bà M trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D có tình cảm với người khác bên ngoài, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Bà M đã khuyên ông D nhưng không có kết quả, thời gian kéo dài nhiều năm. Nay bà M thấy không thể tiếp tục chung sống với ông D nên yêu cầu ly hôn.

Phía ông D đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà M và ông D đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 42784 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Khấu trừ xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Án được tuyên cùng ngày.

Nơi nhận:
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- UBND T T, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hằng